

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 bố

trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài); Báo cáo thẩm tra số 473/BC-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh) bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài là 1.300 tỷ đồng.

2. Số vốn phân bổ chi tiết đợt này: 1.037,091 tỷ đồng, bố trí cho 15 dự án, cụ thể:

- Bố trí 16,679 tỷ đồng cho 03 dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt.
- Bố trí 894,315 tỷ đồng cho 10 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 và dự kiến hoàn thành giai đoạn 2021-2025.
- Bố trí 119,498 tỷ đồng cho 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025.
- Bố trí 6,599 tỷ đồng cho 01 dự án chuẩn bị đầu tư.

3. Số vốn chưa phân bổ chi tiết: 262,909 tỷ đồng

(Chi tiết danh mục và mức vốn của từng dự án có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài) cho các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo theo quy định; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với số vốn chưa phân bổ chi tiết, Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục, đồng thời xây dựng phương án phân bổ chi tiết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trước khi giao kế hoạch chi tiết theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khoá XVIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng

Phụ lục: CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 BỔ TRÍ VỐN ĐỐI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI)
(Kèm theo Nghị quyết số 307/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán; điều chỉnh chủ trương đầu tư; quyết định dự toán); văn bản có liên quan			Lũy kế vốn đã bổ trí đến năm 2020		Số vốn ngân sách tỉnh còn thiếu đến năm 2020	Kế hoạch vốn đối ứng từ nguồn vốn đầu tư trong cán đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chi tiết giai đoạn 2021-2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh (bổ trí đối ứng)			Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh (bổ trí đối ứng)						Năm 2021	Năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ							1.300.000	301.313	101.313	200.000		
A	SỐ VỐN PHÂN BỐ CHI TIẾT DỢT NÀY		8.892.658	1.297.270	3.703.464	246.211	1.037.091	1.037.091	301.313	101.313	200.000		
A.1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		243.000	18.000	169.345	9.000	1.600	1.600	1.330	530	800		
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		243.000	18.000	169.345	9.000	1.600	1.600	1.330	530	800		
a	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		243.000	18.000	169.345	9.000	1.600	1.600	1.330	530	800		
1	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016; 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017	243.000	18.000	169.345	9.000	1.600	1.600	1.330	530	800	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	
A.2	LĨNH VỰC NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		5.289.529	343.439	2.894.244	144.834	196.339	196.339	32.932	26.932	6.000		
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		5.289.529	343.439	2.894.244	144.834	196.339	196.339	32.932	26.932	6.000		
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		2.064.372	33.513	2.062.395	29.333	4.180	4.180					
1	Phát triển Hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã (ADB6).	5240/QĐ-BNN-TC ngày 31/12/2021	2.064.372	33.513	2.062.395	29.333	4.180	4.180					
	Trong đó:												
-	Hợp phần do Sở Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư ủy thác cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa thực hiện	5240/QĐ-BNN-TC ngày 31/12/2021	922.843	20.080	919.458	16.333	3.747	3.747				Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
-	Hợp phần do Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 3 làm chủ đầu tư	5240/QĐ-BNN-TC ngày 31/12/2021	1.141.529	13.433	1.142.937	13.000	433	433				Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3	
b	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		3.225.157	309.926	831.849	115.501	192.159	192.159	32.932	26.932	6.000		

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán; điều chỉnh chủ trương đầu tư; quyết định dự toán); văn bản có liên quan	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020		Số vốn ngân sách tỉnh còn thiếu đến năm 2020	Kế hoạch vốn đối ứng từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chi tiết giai đoạn 2021-2022			Chủ đầu tư	Ghi chú			
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh (bố trí đối ứng)	Tổng số			Trong đó:		
				Tổng số								Trong đó: Ngân sách tỉnh (bố trí đối ứng)	Năm 2021	Năm 2022
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; Quyết định số 765/QĐ-CTN ngày 30/6/2022; Tờ trình số 1755/TTr-BNN-TCTL ngày 24/3/2022; Báo cáo số 4255/BC-BKHĐT ngày 27/6/2022; Công văn số 959/CPO-WB8 ngày 02/8/2022	456.525	66.600	179.997	25.425	41.175	41.175			Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Tổng mức đầu tư của dự án đang được tính theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và PTNT báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh chủ trương đầu tư (20,29 triệu USD x 22.500 đồng/1 USD). Kế hoạch vốn đối ứng hằng năm chi giao cho phân chi phí tăng thêm của dự án khi có đầy đủ hồ sơ đảm bảo theo quy định.		
2	Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa.	1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 4/5/2017; 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019; 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	389.653	74.278	1.800	1.800	72.478	72.478	9.500	3.500	6.000	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa		
3	Hệ thống thủy lợi sông Lèn thuộc Dự án Nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Lèn và sông Hoàng Mai nhằm nâng cao khả năng kiểm soát mặn, cải tạo môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (KEXIM1).	5011/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/12/2015; 950/QĐ-BNN-HTQT ngày 25/3/2016; 4436/QĐ-BNN-XD ngày 09/11/2018; 2454/QĐ-BNN-XD ngày 03/6/2021	1.616.269	77.906	10.800	6.000	71.906	71.906	16.832	16.832		Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa; Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (Ban CPO)		
4	Nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hóa, Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).	2896/QĐ-BNN-XD ngày 09/12/2013; 3917/QĐ-BNN-XD ngày 05/10/2020; 3655/QĐ-UBND ngày 30/8/2021; 2217/QĐ-UBND ngày 16/7/2014	762.710	91.142	639.252	82.276	6.600	6.600	6.600	6.600		Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa; UBND huyện Thiệu Hóa, Yên Định		
A.3	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		246.407	28.693	173.860	15.777	8.614	8.614	1.000	1.000				
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		246.407	28.693	173.860	15.777	8.614	8.614	1.000	1.000				
a	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		246.407	28.693	173.860	15.777	8.614	8.614	1.000	1.000				

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán; điều chỉnh chủ trương đầu tư; quyết định dự toán); văn bản có liên quan			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020		Số vốn ngân sách tỉnh còn thiếu đến năm 2020	Kế hoạch vốn đối ứng từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chi tiết giai đoạn 2021-2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh (bố trí đối ứng)			Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh (bố trí đối ứng)						Năm 2021	Năm 2022		
1	Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa, sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức.	718/QĐ-UBND ngày 03/3/2015; 97/QĐ-UBND ngày 11/01/2017; 1709/QĐ-UBND ngày 09/5/2019; 589/QĐ-TTg ngày 18/5/2022; 2775/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	192.047	20.053	136.955	12.539	7.514	7.514				Sở Y tế Thanh Hóa	
2	Hỗ trợ y học từ xa tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức với một số bệnh viện địa phương, vay vốn ODA của Chính phủ Đức.	1630/QĐ-BYT ngày 05/5/2015; 3500/QĐ-UBND ngày 19/9/2018	54.360	8.640	36.905	3.238	1.100	1.100	1.000	1.000		Sở Y tế Thanh Hóa	
A.4	LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI CÁC ĐÔ THỊ		2.593.827	701.548	129.481	54.370	647.178	647.178	187.522	45.000	142.522		
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		1.776.511	577.550	124.981	49.870	527.680	527.680	155.849	38.000	117.849		
a	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		1.776.511	577.550	124.981	49.870	527.680	527.680	155.849	38.000	117.849		
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018; 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019; 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 2345/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	1.776.511	577.550	124.981	49.870	527.680	527.680	155.849	38.000	117.849	Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa	Bố trí đảm bảo đủ 100% nhu cầu vốn đối ứng (dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chỉnh cơ cấu trong TMĐT nhưng không thay đổi cơ cấu nguồn vốn đầu tư của dự án). Hiện nay, dự án đã trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chủ trương đầu tư: Điều chỉnh TMĐT từ 80,7 triệu USD, trong đó vay vốn IDA chuyển đổi của WB: 54,3 triệu USD, vốn đối ứng: 26,4 triệu USD thành "TMĐT từ 102,86 triệu USD, vay vốn IDA chuyển đổi của WB: 53,29 triệu USD, vốn đối ứng: 49,57 triệu USD". Phần vốn đối ứng tăng thêm của dự án là 23,17 triệu USD so với chủ trương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018, thuộc trách nhiệm bố trí của ngân sách tỉnh và Ngân hàng Thế giới.
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		817.316	123.998	4.500	4.500	119.498	119.498	31.673	7.000	24.673		
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		817.316	123.998	4.500	4.500	119.498	119.498	31.673	7.000	24.673		
1	Tiểu dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thuộc Dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc	1085/QĐ-TTg ngày 23/8/2019; 3563/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	817.316	123.998	4.500	4.500	119.498	119.498	31.673	7.000	24.673	UBND huyện Ngọc Lặc	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán; điều chỉnh chủ trương đầu tư; quyết định dự toán); văn bản có liên quan		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2020		Số vốn ngân sách tỉnh còn thiếu đến năm 2020	Kế hoạch vốn đối ứng từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chi tiết giai đoạn 2021-2022			Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số			Trong đó: Ngân sách tỉnh (bố trí đối ứng)	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh (bố trí đối ứng)						Năm 2021			Năm 2022
A.5	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		475.317	190.013	302.534	17.230	172.783	172.783	72.551	22.551	50.000		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		475.317	190.013	302.534	17.230	172.783	172.783	72.551	22.551	50.000		
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		91.317	11.021	82.796	2.500	8.521	8.521	6.400	6.400			
I	Kê chống sạt lở bờ biển khu vực xã Quảng Nhâm, huyện Quảng Xương.	2485/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	91.317	11.021	82.796	2.500	8.521	8.521	6.400	6.400		Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
b	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		384.000	178.992	219.738	14.730	164.262	164.262	66.151	16.151	50.000		
I	Kê chống sạt lở và nạo vét tiêu thoát lũ Khu kinh tế trong điểm Nghi Sơn (Giai đoạn I).	311/QĐ-BQLKKT&KCN ngày 29/10/2018; 402/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 16/11/2021	291.000	170.557	132.443	12.000	158.557	158.557	63.983	13.983	50.000	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	
2	Trồng, phục hồi rừng ven biển huyện Hậu Lộc, Quảng Xương.	4261/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1627/QĐ-UBND ngày 19/5/2021	93.000	8.435	87.295	2.730	5.705	5.705	2.168	2.168		Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
A.6	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		34.979	5.978	31.000	2.000	3.978	3.978	3.978	3.300	678		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		34.979	5.978	31.000	2.000	3.978	3.978	3.978	3.300	678		
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		34.979	5.978	31.000	2.000	3.978	3.978	3.978	3.300	678		
I	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 do ADB tài trợ.		34.979	5.978	31.000	2.000	3.978	3.978	3.978	3.300	678		
-	Trong đó:												
-	Nhà tập đa năng Trường THPT Yên Định II, huyện Yên Định.	2798/QĐ-UBND ngày 26/7/2021; 4222/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	6.711	1.241	5.869	400	841	841	841	650	191	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
-	Nhà lớp học Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa.	2434/QĐ-UBND ngày 09/7/2021; 4219/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	14.319	2.521	12.598	800	1.721	1.721	1.721	1.350	371	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán; điều chỉnh chủ trương đầu tư; quyết định dự toán); văn bản có liên quan		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020		Số vốn ngân sách tỉnh còn thiếu đến năm 2020	Kế hoạch vốn đối ứng từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chi tiết giai đoạn 2021-2022			Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số			Trong đó: Ngân sách tỉnh (bố trí đối ứng)	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh (bố trí đối ứng)						Năm 2021			Năm 2022
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà hiệu bộ Trường THPT chuyên Lam Sơn Thanh Hóa.	2828/QĐ-UBND ngày 27/7/2021; 4220/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	13.949	2.216	12.533	800	1.416	1.416	1.416	1.300	116	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
A.7	LĨNH VỰC CẤP NƯỚC, THOÁT		9.599	9.599	3.000	3.000	6.599	6.599	2.000	2.000			
a	Dự án chuẩn bị đầu tư		9.599	9.599	3.000	3.000	6.599	6.599	2.000	2.000			
I	Xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị dọc Quốc lộ 47, thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận (vay vốn Hungary).	261/QĐ-TTg ngày 15/02/2020; 244/NQ-HĐND ngày 13/4/2022; 1313/QĐ-UBND ngày 16/4/2020	9.599	9.599	3.000	3.000	6.599	6.599	2.000	2.000		Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
B	SỐ VỐN CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT							262.909					Giao UBND tỉnh căn cứ tiến độ thực hiện các dự án, xây dựng phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 còn lại chưa phân bổ chi tiết, báo cáo HĐND tỉnh theo quy định.